

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
và các công ty con**

**Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017**



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0102325399 ngày 19 tháng 4 năm 2011

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần. lần điều chỉnh gần nhất là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 cấp ngày 06 tháng 03 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng Nhận Đăng
Ký Đầu Tư số 2357762445 Ngày 30 tháng 12 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị

Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch
Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
Chu Việt Cường	Thành viên
Lưu Đức Khánh	Thành viên
Lương Thế Phúc	Thành viên

Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc
Lưu Đức Khánh	Giám đốc Điều hành
Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Đình Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc
Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
Noraesyah Yvonne Binti Abdullah	Giám đốc Tài Chính

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Trần Dương Ngọc Thảo
Phạm Minh Hà
Đoàn Thu Hương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Đôn Nguyên 1, Nhà 2C, Khu Đoàn Ngoại Giao Vạn Phúc,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam


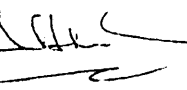
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không VietJet ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất quý được trình bày từ trang 4 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
**CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÀNG KHÔNG
VIETJET**

Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	31/03/2017	1/1/2017
	số	minh	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		12.430.063.290.932	10.313.466.695.796
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.793.605.166.127	2.741.341.465.691
Tiền	111		217.455.290.127	1.086.741.465.691
Các khoản tương đương tiền	112		2.576.149.876.000	1.654.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.400.000.000	1.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.400.000.000	1.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.275.994.338.655	7.128.756.627.068
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.089.273.531.322	1.758.360.196.227
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6(a)	200.736.526.198	91.313.966.035
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	6.985.984.281.135	5.279.082.464.806
Hàng tồn kho	140	12	151.468.411.944	137.930.296.755
Tài sản ngắn hạn khác	150		207.595.374.206	304.038.306.282
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	145.736.509.206	241.502.028.011
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(b)	5.005.337.553	5.682.750.824
Thuế phải thu Nhà Nước	153	15(b)	56.853.527.447	56.853.527.447

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng kết quả kinh doanh hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		10.928.396.771.246	9.749.234.828.931
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.473.595.110.924	5.104.774.400.197
Trả trước cho người bán dài hạn	212	6(b)	701.500.000.000	701.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	5.772.095.110.924	4.403.274.400.197
Tài sản cố định	220		1.034.395.394.888	1.047.218.102.390
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.028.202.492.688	1.039.794.508.192
<i>Nguyên giá</i>	222		1.106.049.902.463	1.102.569.142.629
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(77.847.409.775)	(62.774.634.437)
Tài sản cố định vô hình	227	10	6.192.902.200	7.423.594.198
<i>Nguyên giá</i>	228		27.580.216.155	27.580.216.155
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(21.387.313.955)	(20.156.621.957)
Tài sản dở dang dài hạn	240		208.517.464.774	181.302.243.599
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	208.517.464.774	181.302.243.599
Đầu tư tài chính dài hạn	250	8	68.424.629.818	68.424.629.818
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.868.448.000	7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		556.181.818	556.181.818
Tài sản dài hạn khác	260		3.143.464.170.842	3.347.515.452.927
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	3.143.464.170.842	3.347.515.452.927
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.358.460.062.178	20.062.701.524.727

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		16.483.687.322.156	15.328.679.347.088
Nợ ngắn hạn	310		11.917.668.308.999	10.570.076.600.330
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	115.599.284.349	391.117.403.830
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		337.263.719.806	306.908.790.544
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(a)	206.440.542.485	197.975.487.841
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	921.686.260.225	492.497.152.683
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	1.071.913.868.323	1.306.836.634.360
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	883.506.773.479	528.665.316.650
Vay ngắn hạn	320	19(a)	6.828.723.717.130	6.102.386.845.285
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	1.552.534.143.202	1.243.688.969.137
Nợ dài hạn	330		4.566.019.013.157	4.758.602.746.758
Phải trả dài hạn khác	337		21.697.793.988	17.436.536.908
Vay dài hạn	338	19(b)	694.840.299.644	694.840.299.644
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	92.417.284.214	82.471.339.722
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	3.757.063.635.311	3.963.854.570.484
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		6.874.772.740.022	4.734.022.177.639
Vốn chủ sở hữu	410	22	6.874.772.740.022	4.734.022.177.639
Vốn cổ phần	411	23	3.223.880.600.000	3.000.000.000.000
Thặng dư vốn	412		1.535.635.498.571	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		34.457.934.795	29.673.324.403
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.079.318.817.312	1.702.862.911.199
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.479.889.344	1.485.942.037
TỔNG NGUỒN VỐN	440		23.358.460.062.178	20.062.701.524.727
(440 = 300 + 400)				

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế Toán Trưởng



Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng kết quả kinh doanh hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	31/03/2017	31/03/2016
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	5.106.695.828.510	6.590.041.845.906
Giá vốn hàng bán	11	25	4.335.961.311.990	5.767.003.548.676
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		770.734.516.520	823.038.297.230
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	23.232.051.986	24.821.286.599
Chi phí tài chính	22	27	177.512.626.274	102.210.613.024
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		60.377.962.735	34.953.529.174
Phần lỗ trong một công ty liên kết	24		(4.576.817.514)	(3.475.458.825)
Chi phí bán hàng	25	28	141.631.228.377	114.175.739.687
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	52.159.547.563	43.994.233.820
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		418.086.348.778	584.003.538.473
Thu nhập khác	31		366.645.842	52.367.616
Chi phí khác	32		13.165.414	7.934.956
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		353.480.428	44.432.660
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		418.439.829.206	584.047.971.133
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	32.044.031.294	26.742.991.620
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	9.945.944.492	13.230.225.704
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		376.449.853.420	544.074.753.809

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con

Bảng kết quả kinh doanh hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Form B 02a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	31/03/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		376.449.853.420	544.074.753.809
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		376.455.906.113	544.832.893.091
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6.052.693)	(758.139.282)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.240	2.093

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đôn Khánh
Tổng Giám Đốc Điều hành

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	31/03/2017	31/03/2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		418.439.829.206	584.047.971.177
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		16.259.657.063	3.917.648.640
Dự phòng	03		10.374.189.109	
Giá trị thời gian của tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng	03		65.545.981.692	34.635.264.146
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.795.091.048	(3.955.437.873)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.022.930.486)	(6.651.353.837)
Phần lỗ trong một công ty liên kết	05		4.576.817.514	3.475.458.825
Lãi từ thanh lý công ty con và công ty liên kết	05		-	(6.068.363.394)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05			
Chi phí lãi vay	06		60.377.962.735	34.953.529.174
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		571.346.597.881	644.354.716.858
Biến động các khoản phải thu	09		(713.000.064.104)	(429.183.413.638)
Biến động hàng tồn kho	10		(13.538.115.189)	(6.364.176.794)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		234.130.496.743	63.347.758.105
Biến động chi phí trả trước	12		309.261.433.225	204.979.748.351
			388.200.348.556	477.134.632.882
Tiền lãi vay đã trả	14		(52.255.624.566)	(34.772.410.427)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.937.638.448)	(220.855.647)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		305.007.085.542	442.141.366.808
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(49.159.763.599)	(58.046.554.215)
Tiền chi đặt cọc mua máy bay	21		(2.834.127.250.057)	(413.592.916.929)
Tiền thu hồi các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	180.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		-	(9.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		4.328.293.214	16.663.703.342
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(2.878.958.720.442)	(284.005.767.802)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03
năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	31/03/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		1.894.029.876.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		5.396.947.191.193	4.652.203.815.251
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.659.782.197.527)	(4.213.221.498.473)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		2.631.194.869.666	438.982.316.778
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		57.243.234.766	597.117.915.784
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		2.741.341.465.691	923.512.917.695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(9.764.144.722)	-
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	61		4.784.610.392	(1.887.763.493)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		2.793.605.166.127	1.518.743.069.986

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:

Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Ngày 6 tháng 2 năm 2017, theo Quyết định số 29/QĐ-SGDHCM của Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, với mã giao dịch là VJC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan và mua bán máy bay.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 Tập đoàn có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2017: 5 công ty con và 2 công ty liên kết) như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			31/03/2017	1/1/2017
<i>Các công ty con</i>				
Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận chuyển hàng hóa	Số 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014	90%	90%
Vietjet Air IVB No. I Limited (*)	Kinh doanh máy bay	Số 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air IVB No. II Limited (*)	Kinh doanh máy bay	Số 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. (*)	Kinh doanh máy bay	Số 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited (*)	Kinh doanh máy bay	Số 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014	100%	100%
<i>Công ty liên kết</i>				
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited (*) (**)	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và chuyên giao hàng hóa và hành khách. tổ chức các chuyến đi du lịch và các dịch vụ liên quan khác	Số 0105556100551 ngày 25 tháng 6 năm 2013	9%	9%
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh(*)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	Số 4201676638 ngày 5 tháng 2 năm 2016	10%	-

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017. Công ty chưa góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết này.

(**) Vào ngày 29 tháng 6 năm 2015. Công ty đã chuyển nhượng một phần khoản đầu tư vào Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited cho một số cá nhân. Công ty vẫn duy trì ảnh hưởng đáng kể trong Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited sau khi thanh lý một phần khoản đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017. Tập đoàn có 2.523 nhân viên (1/1/2017: 2.494 nhân viên).

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quý.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con. Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất quý bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất quý. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Công cụ tài chính kinh doanh

Công cụ tài chính kinh doanh là các loại công cụ tài chính được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(f) Chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay, Tập đoàn có nghĩa vụ về mặt pháp lý và nghĩa vụ theo hợp đồng đối với hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa máy bay trong suốt thời gian thuê và phải đóng góp các khoản quỹ bảo dưỡng máy bay cho bên cho thuê máy bay. Quỹ bảo dưỡng được ghi nhận như là phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác khi không có sự không chắc chắn đáng kể về khả năng nhận được các khoản hoàn trả từ bên cho thuê máy bay. Các khoản đóng góp cho quỹ bảo dưỡng được tính toán dựa trên hiệu suất hoạt động, như giờ bay hoặc số lần cất hạ cánh, và phải hoàn trả theo hợp đồng cho Tập đoàn khi Tập đoàn hoàn thành hoạt động bảo dưỡng bắt buộc cho máy bay thuê bao gồm thay thế các bộ phận có thời gian sử dụng giới hạn, phục hồi hiệu suất động cơ, kiểm tra cấu trúc chính của khung máy bay, đại tu bộ phận hạ cánh và sửa chữa lớn APU (thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ). Phần còn lại của quỹ bảo dưỡng khi kết thúc thời hạn thuê sẽ thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê máy bay.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các khoản giảm giá từ nhà sản xuất, nếu có, được giảm trừ vào nguyên giá của tài sản liên quan. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy bay và các bộ phận	20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và chi phí mua máy bay chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn

Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn máy bay thuê được vốn hóa và phân bổ trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian tính đến lần kiểm tra tiếp theo hoặc thời gian tính đến thời gian thuê còn lại.

(ii) Phụ tùng quay vòng

Phụ tùng quay vòng với thời gian hữu dụng ước tính dài hơn một năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của chúng nhưng không quá 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 5 năm.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay giữa Tập đoàn và bên cho thuê và theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Tập đoàn có nghĩa vụ phải bảo dưỡng máy bay thường xuyên và định kỳ theo Kế hoạch Bảo dưỡng của từng máy bay (“MPD”), được xây dựng dựa trên hướng dẫn của các nhà sản xuất máy bay. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện bằng chi phí riêng của Tập đoàn trong khi bảo dưỡng định kỳ được tài trợ bởi quỹ bảo dưỡng. Dự phòng chi phí bảo dưỡng máy bay thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng được xác định bằng cách chiết khấu các khoản chi phí bảo dưỡng dự kiến phát sinh trong tương lai dựa trên kế hoạch của đội bay hiện tại. Trong thời gian thuê, chi phí bảo dưỡng ước tính cho lần bảo dưỡng tiếp theo được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ dựa trên thời gian và chu kỳ bay thực tế. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

(ii) Dự phòng chi phí hoàn trả tài sản thuê

Đối với các hợp đồng thuê hoạt động máy bay, trong đó yêu cầu Tập đoàn trả lại máy bay trong tình trạng đáp ứng được một số điều kiện bảo trì nhất định, chi phí hoàn trả tài sản thuê được ước tính tại ngày bắt đầu thuê dựa trên giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự kiến phát sinh trong tương lai vào thời điểm kết thúc hợp đồng thuê để Tập đoàn có thể đáp ứng được các điều kiện nhất định để hoàn trả các máy bay cho bên cho thuê, bao gồm các mức độ bảo trì nhất định cũng như việc thu xếp các chuyến bay thử lần cuối, chi phí kiểm tra, hải quan và rút tên đăng ký, tháo bỏ các bộ phận và thiết bị gắn thêm của Tập đoàn (nếu có) và việc hoàn trả máy bay đến địa điểm cụ thể. Tại ngày bắt đầu thuê, chi phí hoàn trả ước tính được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận như là khoản chi phí tài chính.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu vận chuyển hành khách

Doanh thu từ vận chuyển hành khách được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp hoặc khi vé máy bay hết hạn. Giá trị của các vé chưa được sử dụng và các phí dịch vụ liên quan khác được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong nợ ngắn hạn. Các vé không được hoàn lại thông thường hết hạn vào ngày dự định bay, ngoại trừ ngày này được kéo dài ra theo yêu cầu có trả phí từ phía khách hàng vào hoặc trước ngày dự định bay. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu. Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu hoạt động phụ trợ

Doanh thu hoạt động phụ trợ bao gồm bao gồm doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và bán hàng miễn thuế, doanh thu quảng cáo, doanh thu vận chuyển hàng hóa và doanh thu từ các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách.

Doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong bán hàng miễn thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ vận chuyển hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ quảng cáo và hoa hồng được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm được hưởng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách như phí cho sự thay đổi hoặc gia hạn các vé không được hoàn lại được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm thu phí. Các khoản phí điều chỉnh liên quan đến các vé không được hoàn lại được ghi nhận như là một giao dịch riêng biệt với vận chuyển hàng không và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm khi tính cho hành khách. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê chuyến bay

Doanh thu cho thuê chuyến bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê máy bay

Doanh thu cho thuê máy bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Doanh thu bán máy bay

Doanh thu bán máy bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu máy bay được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng máy bay bị trả lại.

Giao dịch bán và thuê lại máy bay

Tập đoàn có các giao dịch bán và thuê lại máy bay là giao dịch mà trong đó khi máy bay được tập đoàn bán và sau đó được chính Tập đoàn thuê lại. Phương pháp kế toán áp dụng cho các giao dịch bán và thuê lại tài sản được thực hiện căn cứ theo phân loại phần giao dịch thuê tài sản.

Đối với giao dịch bán và thuê lại tài sản là thuê hoạt động:

- Nếu tiền thuê và giá bán được thỏa thuận ở mức giá hợp lý, tức là đã thực hiện một nghiệp vụ bán hàng thông thường thì các khoản lãi hay lỗ được ghi nhận ngay trong năm phát sinh.
- Nếu giá bán thấp hơn giá trị hợp lý thì các khoản các khoản lãi hoặc lỗ cũng phải được nhận ngay trong năm phát sinh, trừ trường hợp khoản lỗ được bù đắp bằng tiền thuê trong tương lai ở một mức giá thuê thấp hơn giá thuê thị trường. Trường hợp này khoản lỗ không được ghi nhận ngay mà phải phân bổ dần vào chi phí phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng;
- Nếu giá bán cao hơn giá trị hợp lý thì khoản chênh lệch cao hơn giá trị hợp lý phải được phân bổ dần vào thu nhập phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng.
- Nếu giá trị hợp lý tại thời điểm bán và thuê hoạt động lại tài sản thấp hơn giá trị còn lại của tài sản, khoản lỗ bằng số chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị hợp lý phải được ghi nhận trong năm phát sinh.

(vi) Doanh thu từ dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(viii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ được báo cáo thống nhất với các báo cáo nội bộ cung cấp cho người ra quyết định chính của Tập đoàn. Người ra quyết định chính của Tập đoàn chịu trách nhiệm phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động của các bộ phận kinh doanh. được xác định là Ban Giám đốc. Ban Giám đốc được lãnh đạo bởi Giám đốc Điều hành và Tổng Giám đốc và được phân theo các bộ phận chức năng. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với các hoạt động hàng ngày của Tập đoàn và chịu trách nhiệm chức năng quản trị.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Tập đoàn có hai bộ phận hoạt động kinh doanh như sau:

- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa, các dịch vụ phụ trợ, cho thuê máy bay và quảng cáo trên máy bay; và
- Mua bán máy bay.

Trừ các hoạt động nêu trên không có bộ phận hoạt động kinh doanh nào khác được tổng hợp để hình thành các bộ phận hoạt động kinh doanh khác phải báo cáo. Thông tin bộ phận cho tổng doanh thu và giá vốn hàng bán được trình bày trong các thuyết minh của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ. Không có doanh thu nội bộ giữa các bộ phận hoạt động kinh doanh. Tất cả tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác của Tập đoàn là không thể phân bổ.

Ban Giám đốc xác định bộ phận hoạt động kinh doanh dựa trên báo cáo đã được kiểm toán và sử dụng để ra quyết định chiến lược.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Doanh thu của Tập đoàn phân tích theo khu vực địa lý (theo quốc gia ở điểm đến) như sau:

	31/03/2017	31/03/2016
	VND	VND
Trong Việt Nam	3.381.389.066.241	2.735.583.428.385
Ngoài Việt Nam	1.725.306.762.269	3.854.458.417.421
	<u>5.106.695.828.510</u>	<u>6.590.041.845.906</u>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	2.931.944.392	2.543.172.753
Tiền gửi ngân hàng	112.633.606.766	1.084.198.292.938
Các khoản tương đương tiền	2.678.039.614.969	1.654.600.000.000
	2.793.605.166.127	2.741.341.465.691

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với thời gian đáo hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 5.2% đến 5.55% đối với khoản tiền gửi bằng VND (kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 4.5% đến 5.6%) và 0% đối với khoản tiền gửi bằng USD trong kỳ.

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 bao gồm 477.120 triệu VND được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) – Hội sở.

6. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
Trả trước cho dịch vụ sửa chữa động cơ	37.243.076.920	27.143.242.096
Trả trước cho Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	14.801.464.538	14.757.791.669
Khác	148.961.984.740	49.412.932.270
	200.736.526.198	91.313.966.035

(b) Trả trước cho người bán dài hạn

	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư	701.500.000.000	701.500.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khoản này phản ánh khoản đóng góp của Công ty theo Hợp đồng số 01/2016/VJA-TĐĐB ngày 2 tháng 6 năm 2016 với Công ty Cổ phần Thương mại Thùy Dương – Đức Bình để xây dựng một khu phức hợp văn phòng và khu dân cư. Công ty sẽ nhận 15.547 m² diện tích văn phòng và 13.409 m² diện tích khu dân cư và sử dụng khu vực này làm văn phòng và kí túc xá của Công ty sau khi dự án hoàn thành.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
Đặt cọc mua máy bay	5.152.600.896.543	3.462.539.158.419
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	1.091.061.977.270	901.462.143.692
Chi phí trả hộ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	567.307.224.816	447.296.489.780
Khoản giảm giá mua hàng phải thu	-	299.790.648.188
Phải thu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (“IPO”)	-	32.409.850.138
Phải thu từ quỹ bảo dưỡng máy bay	38.300.619.878	14.573.306.867
Phải thu sửa chữa khoang máy bay	13.077.459.555	12.079.587.527
Lãi tiền gửi và lãi cho vay phải thu	4.400.706.716	1.706.069.444
Tạm ứng cho nhân viên	60.848.479.693	40.451.553.468
Các khoản đặt cọc khác	31.425.301.360	30.296.462.087
Phải thu khác	26.961.615.304	36.477.195.196
	6.985.984.281.135 ✓	5.279.082.464.806 ✓

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
Quỹ bảo dưỡng cho máy bay thuê	2.309.899.271.083	2.099.900.362.116
Đặt cọc mua máy bay	2.813.657.803.118	1.669.592.291.185
Đặt cọc thuê máy bay	629.617.191.414	614.849.191.414
Phải thu khác	18.920.845.309	18.932.555.482
	5.772.095.110.924 ✓	4.403.274.400.197 ✓

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Hàng tồn kho

	31/03/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	144.164.513.074		133.562.282.327	-
Hàng hóa	7.303.898.870		4.368.014.428	-
	<u>151.468.411.944</u>		<u>137.930.296.755</u>	-

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 151.468 triệu VND được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Vietinbank – Chi nhánh quận 11.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Máy bay và các bộ phận VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.014.972.823.421	57.248.469.944	15.409.457.798	14.938.391.466	1.102.569.142.629
Tăng trong kỳ			1.136.585.926	2.300.363.635	3.436.949.561
Số dư cuối kỳ	1.014.972.823.421	57.248.469.944	16.546.043.724	17.238.755.101	1.106.006.092.190
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	30.816.828.145	13.011.087.353	11.313.367.599	7.633.351.340	62.774.634.437
Khấu hao trong kỳ	12.078.328.438	1.910.826.317	327.073.892	712.736.418	15.028.960.277
Số dư cuối kỳ	42.895.151.795	14.921.913.670	11.640.441.491	8.346.087.758	77.803.594.714
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	984.155.995.276	44.237.382.591	4.096.090.199	7.305.040.126	1.039.794.508.192
Số dư cuối kỳ	972.077.666.838	42.326.556.274	4.905.602.233	8.892.667.343	1.028.202.492.688

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 11.992 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 (1/1/2017: 11.992 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 859.954 triệu VND được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (1/1/2017: 888.585)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	27.580.216.155
Tăng trong kỳ	-
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	27.580.216.155
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	20.156.621.957
Khấu hao trong kỳ	1.230.691.998
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	21.387.313.955
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	7.423.594.198
Số dư cuối kỳ	6.192.902.200 ✓
	<hr/> <hr/>

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 7.820 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 (1/1/2017: 6.613 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
Số dư đầu kỳ	181.302.243.599	137.353.932.965
Tăng trong kỳ	45.722.814.038	1.007.477.052.467
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình		(913.682.191.969)
Chuyển sang phải thu khác	(18.507.592.863)	(49.846.549.864)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	208.517.464.774	181.302.243.599 ✓
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2017		1/1/2017	
	% sở hữu	VND	% sở hữu	VND
Đầu tư góp vốn vào:				
• Công ty liên kết				
- Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	9%	-	9%	-
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (*) (**)	10%	60.000.000.000	-	60.000.000.000
• Đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn	4%	7.868.448.000	4%	7.868.448.000
		<u>67.868.448.000</u>		<u>67.868.448.000</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn vào:				
• Hợp đồng hợp tác đầu tư		556.181.818		556.181.818
		<u>68.424.629.818</u>		<u>68.424.629.818</u>

(*) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.

(**) Khoản này phản ánh khoản đầu tư vào 6.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh trong năm 2016.

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí trả trước thuê máy bay	137.079.688.323	227.656.900.271
Chi phí trả trước bảo dưỡng máy bay	7.989.404.164	13.212.911.483
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	667.416.719	632.216.257
	<u>145.736.509.206</u>	<u>241.502.028.011</u>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo dưỡng máy bay VND	Chi phí hoàn trả tài sản thuê VND	Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn VND	Phụ tùng xoay vòng, công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.797.822.490.216	172.072.300.904	166.521.757.016	210.909.450.415	189.454.376	3.347.515.452.927
Tăng trong kỳ	-	16.046.374.025	23.162.737.263	39.317.506.660	865.476.351	79.392.094.299
Điều chỉnh	(6.601.741.690)	-	-	-	-	(6.601.741.690)
Phân bổ trong kỳ	(185.651.750.832)	(5.942.990.359)	(43.582.647.048)	(41.161.423.678)	(502.822.777)	(276.841.634.694)
Số dư cuối kỳ	2.605.568.997.694	182.175.684.570	146.101.847.231	209.065.533.397	552.107.950	3.143.464.170.842

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn:

	31/03/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	62.209.571.111	243.481.418.499
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	21.849.959.094
Các nhà cung cấp khác	53.389.713.238	125.786.026.237
	<hr/>	<hr/>
	115.599.284.349 ✓	391.117.403.830 ✓

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	Số đã điều chỉnh trong kỳ VND	31/03/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	64.969.047.604	394.165.354.688	(85.865.867.643)	(293.052.687.195)		80.215.847.454
Thuế thu nhập cá nhân	16.856.693.763	71.963.418.763	(79.561.343.993)	-	-	9.383.020.580
Thuế nhà thầu	-	15.777.052.340	(15.214.382.423)	-	-	562.669.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp	116.025.494.427	32.044.031.294	(30.937.638.448)	-	(852.882.739)	116.279.004.534
	197.975.487.841	513.949.857.085	(211.579.232.507)	(293.052.687.195)	(852.882.739)	206.440.542.485

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	Số đã điều chỉnh lại trong kỳ VND	31/03/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.682.750.824	12.173.151.332	-	(12.850.564.603)	-	5.005.337.553
Thuế nhà thầu	56.853.527.447	-	-	-	-	56.853.527.447
	62.536.278.271					61.858.865.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí liên quan đến máy bay	812.766.009.797	409.026.251.553
Lương tháng 13	11.779.049.853	34.312.991.844
Chi phí lãi vay	10.167.803.956	4.863.884.399
Chi phí khác	86.973.396.621	44.294.024.887
	<hr/>	<hr/>
	921.686.260.227	492.497.152.683
	<hr/>	<hr/>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/03/2017	1/1/2017
	VND	VND
Doanh thu nhận trước, sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	1.071.913.868.323	1.306.836.634.360
	<hr/>	<hr/>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lệ phí sân bay phải trả	426.917.136.401	399.300.619.575
Đặt cọc ngắn hạn đã nhận	73.129.178.880	107.423.263.649
Phải trả khoản giảm giá mua hàng thu hộ từ Vietjet Air IVB No. I Limited, một công ty con (*)	85.530.838.660	
Phải trả tiền bán máy bay thu hộ từ Vietjet Air IVB No. II Limited, một công ty con (*)	78.397.705.062	-
Phải trả cho các bên liên quan (*)	5.904.810.522	7.676.125.320
Phải trả chi phí IPO	92.471.776.071	-
Phải trả khác	121.155.028.261	14.265.308.106
	883.506.773.479	528.665.316.650

(*) Khoản phi thương mại phải trả cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay	(a) Vay ngắn hạn			
	1/1/2017	Biến động trong kỳ		31/03/2017
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Thanh toán VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	6.036.432.585.285	5.364.635.851.193	(4.627.470.857.527)	6.762.769.457.130
Vay dài hạn đến hạn trả	65.954.260.000			65.954.260.000
	<u>6.102.386.845.285</u>	<u>5.364.635.851.193</u>	<u>(4.627.470.857.527)</u>	<u>6.828.723.717.130</u>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Khoản vay	Loại tiền	Lãi suất năm	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”)– Hội sở (a) Khoản vay 1	USD VND	1.30%	472.211.243.772	106.812.385.443
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”)– Chi nhánh Quận 11 (b) Khoản vay 2 Khoản vay 3	VND USD	4.80%-5.00% 1.60%-1.95%	1.834.578.752.369 644.147.717.072	1.647.157.457.453 334.867.496.106
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”)– Chi nhánh Hồ Chí Minh (c) Khoản vay 4 Khoản vay 5	VND USD		- 682.060.978.752	340.862.342.163 682.060.978.753
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex Khoản vay 6	VND		-	118.684.487.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Khoản vay 7 Khoản vay 8	VND USD	5.0%-5.30%	240.295.818.577 -	770.578.961.161 79.764.999.999
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam Khoản vay 9	VND		-	128.315.091.936
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Khoản vay 10	VND	5.2%	2.369.658.944.365	894.341.373.335
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần An Bình Khoản vay 11	USD	1.65%	410.707.690.959	433.497.690.959
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam Khoản vay 12	VND	4.80%-5%	109.108.311.265	166.665.685.684
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong Khoản vay 13	USD		-	332.823.634.893
			6.762.769.457.130	6.036.432.585.285

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/03/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	760.794.559.644	760.794.559.644
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(65.954.260.000)	(65.954.260.000)
	694.840.299.644	694.840.299.644

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn như sau:

	Loại	Năm	31/03/2017	1/1/2017
	tiền	đáo hạn	VND	VND
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Việt Nam	USD	2028	760.794.559.644	760.794.559.644

Số dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 này được hoàn trả trong 24 kỳ sáu tháng bằng nhau. mỗi kỳ trả 1.4 triệu USD và kỳ cuối cùng trả 1.5 triệu USD vào ngày 13 tháng 6 năm 2028.

Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay này như sau:

	31/03/2017	1/1/2017
	VND	VND
Máy bay số hiệu A320 MSN 7167. VNA675 (Thuyết minh 14)	859.954.608.070	888.585.171.422

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Dự phòng chi phí bảo dưỡng VND	Dự phòng hoàn trả tài sản thuê VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	4.915.553.224.444	291.990.315.177	5.207.543.539.621
Dự phòng lập trong kỳ		16.046.374.025	16.046.374.025
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu	97.956.538.806	5.027.256.861	102.983.795.667
Dự phòng xóa sổ trong kỳ	(6.601.741.690)	(10.374.189.109)	(16.975.930.799)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5.006.908.021.560	302.689.756.954	5.309.597.778.514
Ngắn hạn	1.552.534.143.202	-	1.552.534.143.202
Dài hạn	3.454.373.878.358	302.689.756.954	3.757.063.635.312
	5.006.908.021.560	302.689.756.954	5.309.597.778.514

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/03/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Doanh thu chưa thực hiện	1.983.803.996	2.368.124.035
Dự phòng	530.959.777.851	520.754.353.962
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.157.462.644	3.431.299.184
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	534.101.044.491	526.553.777.18
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chi phí trả trước dài hạn	(278.774.468.226)	(296.989.479.112)
Đặt cọc	(340.096.124.835)	(300.136.250.581)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(7.647.735.644)	(11.899.387.210)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(626.518.328.705)	(609.025.116.903)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(92.417.284.214)	(82.471.339.722) ✓

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.450.000.000.000	-	10.578.470.043	685.722.725.515	1.139.084.792	2.147.440.280.350
Cổ tức bằng cổ	978.500.000.000	-	-	(978.500.000.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông	571.500.000.000	-	-	-	-	571.500.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.995.640.185.684	346.857.245	1.995.987.042.929
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	19.094.854.360	-	-	19.094.854.360
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.000.000.000.000	-	29.673.324.403	1.702.862.911.199	1.485.942.037	4.734.022.177.639
Phát hành cổ phiếu phổ thông	223.880.600.000	1.670.149.276.000	-	-	-	1.894.029.876.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	376.455.906.113	(6.052.693)	376.449.853.420
Khoản chi cho đợt phát hành IPO	-	(134.513.777.429)	-	-	-	(134.513.777.429)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	4.784.610.382	-	-	4.784.610.382
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	3.223.880.600.000	1.535.635.498.571	34.457.934.795	2.079.318.817.312	1.479.889.344	6.874.772.740.022

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt/đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	322.388.060	3.223.880.600.000	300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	31/03/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	300.000.000	3.000.000.000.000	145.000.000	1.450.000.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu trong kỳ			97.850.000	978.500.000.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền trong kỳ	22.388.060	223.880.600.000	57.150.000	571.500.000.000
Số dư cuối kỳ	322.388.060	3.223.880.600.000	300.000.000	3.000.000.000.000

Công văn số 1236/UBCK-QLCB ngày 10/03/2017 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đã chấp thuận việc Công ty đăng ký chào bán riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán số 20-17/VJC-HĐQT ngày 24/01/2017.

Ngày 23/03/2017 Công ty đã báo cáo kết quả chào bán riêng lẻ 22.388.060 cổ phiếu chiếm 100% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán, giá bán bình quân gia quyền là 84.600 đồng/cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	31/03/2017	31/03/2016
	VND	VND
Vận chuyển hành khách	3.972.596.928.296	2.754.253.278.134
Doanh thu hoạt động phụ trợ	1.110.937.961.794	802.123.576.309
Doanh thu từ chuyển giao sở hữu và thuê tàu bay	-	3.033.302.100.000
Doanh thu khác	23.160.938.420	362.891.463
	5.106.695.828.510	6.590.041.845.906

25. Giá vốn hàng bán

	31/03/2017	31/03/2016
	VND	VND
Chi phí khối dịch vụ và khai thác mặt đất	337.186.218.059	248.496.675.727
Chi phí khối khai thác bay	3.510.612.310.549	2.239.474.169.731
Chi phí khối kỹ thuật	245.404.664.672	259.522.465.695
Chi phí khối an toàn, an ninh và đảm bảo chất lượng bay	6.930.541.989	4.405.936.899
Chi phí dịch vụ vận chuyển hàng hóa	23.324.721.504	14.673.966.721
	4.123.458.456.773	2.766.573.214.773
Chi phí khấu hao và phân bổ	199.754.253.082	142.445.015.003
Giá vốn của máy bay đã bán	-	2.835.030.252.351
Chi phí khác	12.748.602.135	8.802.890.483
	4.335.961.311.990	5.767.003.548.676

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/03/2017	31/03/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	7.022.930.486	12.719.717.231
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	16.209.121.500	12.101.569.368
	<hr/>	<hr/>
	23.232.051.986	24.821.286.599
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí tài chính

	31/03/2017	31/03/2016
	VND	VND
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng	65.545.981.692	34.635.264.146
Chi phí lãi vay	60.349.354.427	34.953.529.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	21.758.574.241	1.492.832.406
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	29.858.715.914	31.128.987.298
	<hr/>	<hr/>
	177.512.626.274	102.210.613.024
	<hr/>	<hr/>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	31/03/2017	31/03/2016
	VND	VND
Chi phí bán hàng	3.025.670.607	40.888.356.839
Chi phí tiếp thị	50.001.039.898	57.830.758.157
Chi phí nhân viên	13.875.572.266	14.673.034.508
Chi phí khấu hao và phân bổ	95.700.542	103.276.032
Chi phí khác	74.633.245.064	680.314.151
	<hr/>	<hr/>
	141.631.228.377	114.175.739.687
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/03/2017	31/03/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.906.252.887	16.123.700.434
Chi phí thuê	5.667.055.721	4.031.553.609
Chi phí khấu hao và phân bổ	785.145.938	778.366.654
Chi phí bảo hiểm	2.132.231	9.654.050
Chi phí khác	21.798.960.786	23.050.959.073
	<hr/>	<hr/>
	52.159.547.563	43.994.233.820
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	31/03/2017	31/03/2016
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu trong giá vốn hàng bán	1.872.164.043.239	1.088.715.318.358
Chi phí mua máy bay	-	2.835.030.252.351
Chi phí nhân viên và nhân công	479.156.035.480	373.084.450.377
Chi phí khấu hao và phân bổ	293.101.286.969	201.896.231.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.752.916.671.994	1.365.560.332.714
Chi phí khác	132.414.050.248	35.864.132.036

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

	31/03/2017	31/03/2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	32.044.031.294	26.742.991.620
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	9.945.944.492	13.230.225.704
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	41.989.975.786	39.973.217.324

(b) Thuế suất áp dụng

(i) Các công ty thành lập tại Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa công cộng, theo các điều khoản trong các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Tuy nhiên, các điều khoản trong quy định thuế hiện hành cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho ba năm tiếp theo.

Đối với các hoạt động khác, theo các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 20%).

Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo

Theo các điều khoản trong các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 20%).

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các công ty thành lập tại Quần đảo British Virgin

Vietjet Air IVB No. I Limited và Vietjet Air IVB No. II Limited

Thu nhập hoặc lợi nhuận tại Quần đảo British Virgin không chịu thuế. Do đó, không có dự phòng cho thuế thu nhập tại Quần đảo British Virgin trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

(iii) Công ty thành lập tại Singapore

Vietjet Air Singapore Pte. Ltd.

Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế.

(iv) Công ty thành lập tại Ireland

Vietjet Air Ireland No. 1 Limited

Đối với hoạt động kinh doanh, Vietjet Air Ireland No. 1 Limited có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 12.5% trên lợi nhuận tính thuế. Đối với các hoạt động khác, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 303.482.587 (kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016: 242.850.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	31/03/2017	31/03/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	376.455.906.113	544.832.893.091

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu	
	31/03/2017	31/03/2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	300.000.000	145.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017	3.482.587	-
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	97.850.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	303.482.587	242.850.000

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành